

## CHÍNH PHỦ

### **NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 26/2003/ NĐ-CP ngày 19/3/2003 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.**

#### CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng  
12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật  
ngày 25 tháng 7 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính  
ngày 02 tháng 7 năm 2002;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp  
và Phát triển nông thôn,*

#### NGHỊ ĐỊNH:

##### *Chương I*

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật mà không phải là tội phạm bao gồm:

1. Vi phạm các quy định về phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật;
2. Vi phạm các quy định về kiểm dịch thực vật;
3. Vi phạm các quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

##### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt hành chính về mọi hành vi vi phạm hành chính do mình gây ra trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật quy định tại pháp luật xử lý vi phạm hành chính và quy định tại Chương II của Nghị định này.

2. Tổ chức bị xử phạt hành chính về mọi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật do mình gây ra. Sau khi chấp hành quyết định xử phạt, tổ chức bị xử phạt xác định cá nhân có lỗi gây ra vi phạm hành chính để xác định trách nhiệm pháp lý của người đó theo quy định của pháp luật.

3. Cá nhân, tổ chức nước ngoài nếu vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong phạm vi lãnh thổ, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị xử phạt hành chính theo quy định tại Nghị định này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

##### **Điều 3. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính**

1. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải do người có thẩm quyền xử phạt được quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và tại các Điều 19, 20 của Nghị định này thực hiện.

2. Mọi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để; mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

3. Một hành vi vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt hành chính một lần; một người thực hiện



nhiều hành vi vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nhiều người cùng thực hiện một hành vi vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

4. Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân người vi phạm và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để quyết định hình thức xử phạt, mức xử phạt và các biện pháp xử lý phù hợp với quy định tại Nghị định này.

Phạt cảnh cáo áp dụng đối với vi phạm nhỏ, lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ hoặc đối với mọi hành vi vi phạm hành chính do người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi thực hiện.

5. Không xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc người vi phạm hành chính trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

#### **Điều 4. Tình tiết giảm nhẹ**

1. Người vi phạm hành chính đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của vi phạm hoặc tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại.

2. Người vi phạm hành chính đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi.

3. Vi phạm trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra.

4. Vi phạm do bị ép buộc hoặc bị lệ thuộc về vật chất hoặc tinh thần.

5. Người vi phạm là phụ nữ có thai, người già yếu, người có bệnh hoặc tàn tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

6. Vi phạm vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình gây ra.

7. Vi phạm do trình độ lạc hậu.

#### **Điều 5. Tình tiết tăng nặng**

1. Vi phạm có tổ chức.

2. Vi phạm nhiều lần trong cùng một lĩnh vực hoặc tái phạm trong cùng lĩnh vực.

3. Xúi giục, lôi kéo người chưa thành niên vi phạm, ép buộc người bị lệ thuộc vào mình về vật chất, tinh thần vi phạm.

4. Vi phạm trong tình trạng say do dùng rượu, bia hoặc các chất kích thích khác.

5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm.

6. Lợi dụng hoàn cảnh chiến tranh, hoàn cảnh thiên tai hoặc những khó khăn đặc biệt khác của xã hội để vi phạm.

7. Vi phạm trong thời gian đang chấp hành hình phạt của bản án hình sự hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính.

8. Tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm hành chính mặc dù người có thẩm quyền đã yêu cầu chấm dứt hành vi đó.

9. Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính.

**Điều 6. Thời hiệu xử phạt và thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính**

Thời hiệu xử phạt trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật là một năm, kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong xuất khẩu, nhập khẩu hoặc vi phạm hành chính là hành vi sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật cấm, thuốc bảo vệ thực vật giả là hai năm kể từ ngày vi phạm hành chính được thực hiện.

Thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính là qua một năm, kể từ ngày cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính chấp



hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt mà không tái phạm thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

**Điều 7.** Các hình thức xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả

Khi thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định này, người có thẩm quyền xử phạt chỉ được áp dụng những hình thức xử phạt chính, biện pháp bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả cụ thể như sau:

1. Đối với mỗi vi phạm hành chính, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật là 30.000.000 đồng.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau:

a) Tước quyền sử dụng các loại giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới, giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

3. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra;

c) Buộc tiêu hủy đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ mà những đối tượng này không có khả năng bao vây tiêu diệt được tại Việt Nam;

d) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật, phương tiện bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ mà những đối tượng này không có khả năng bao vây tiêu diệt được tại Việt Nam;

đ) Buộc tiêu hủy đối với những loại thuốc, nguyên liệu thuốc và bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng, ngoài danh mục được phép sử dụng và hạn chế sử dụng ở Việt Nam, thuốc bảo vệ thực vật giả, thuốc bảo vệ thực vật không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc bảo vệ thực vật quá hạn mà không còn giá trị sử dụng;

e) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất đối với những loại thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng, ngoài danh mục được phép sử dụng và hạn chế sử dụng ở Việt Nam; thuốc bảo vệ thực vật giả, thuốc bảo vệ thực vật không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc bảo vệ thực vật quá hạn mà không còn giá trị sử dụng, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật có hàm lượng hoạt chất thấp hơn so với quy định;

g) Buộc tái chế đối với những loại thuốc và nguyên liệu làm thuốc có chất lượng thực tế thấp hơn mức chất lượng theo quy định của Nhà nước.

Khi bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải chịu mọi chi phí cho việc thực hiện các biện pháp đó.



*Chương II*

**HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC PHẠT CÁC  
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG  
LĨNH VỰC BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH  
THỰC VẬT**

**MỤC A. HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC  
PHẠT VỀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Điều 8.** Hình thức xử phạt và mức phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng các biện pháp phòng trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật không đúng quy định;

b) Người trực tiếp làm dịch vụ bảo vệ thực vật không có trình độ chuyên môn về bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật;

c) Không chấp hành các biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật theo quy định mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã chỉ đạo và yêu cầu.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 700.000 đồng đối với hành vi:

Đưa ra khỏi vùng dịch các loại tài nguyên thực vật nhiễm sinh vật gây hại nguy hiểm đã được công bố là dịch hại vùng đó nhưng chưa được xử lý.

3. Phạt tiền từ 700.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi:

Vận chuyển, buôn bán, sử dụng giống cây bị nhiễm sâu bệnh nặng hoặc sinh vật gây hại nguy hiểm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật công bố là dịch hại tại các vùng trong nước.

4. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Sản xuất, tàng trữ giống cây bị nhiễm sâu bệnh nặng;

b) Nhân nuôi sinh vật gây hại nguy hiểm đối với cây trồng.

5. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy tài nguyên thực vật, sinh vật gây hại nguy hiểm, giống cây đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này.

b) Buộc khắc phục hậu quả gây ra do hành vi vi phạm quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều này.

**MỤC B. HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC  
PHẠT VỀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

**Điều 9.** Hình thức xử phạt và mức phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về kiểm dịch thực vật xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Không làm thủ tục theo quy định về khai báo kiểm dịch thực vật trước khi nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển quá cảnh tài nguyên thực vật;

b) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nước xuất khẩu (trừ những nước chưa có cơ quan kiểm dịch thực vật) hoặc chưa qua kiểm dịch tại cửa khẩu.

2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Không thực hiện việc kiểm tra, kiểm dịch tài nguyên thực vật;

b) Vận chuyển quá cảnh tài nguyên thực vật không được phép của cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của pháp luật Việt Nam;

c) Vận chuyển quá cảnh tài nguyên thực vật không thực hiện các biện pháp ngăn chặn sinh vật gây hại theo quy định của Việt Nam;



d) Vận chuyển quá cảnh tài nguyên thực vật không có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch thực vật nơi xuất xứ cấp (trừ những nước chưa có cơ quan kiểm dịch thực vật).

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Khai man, giấu diếm hoặc đánh tráo vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong quá trình cơ quan kiểm dịch thực vật tiến hành kiểm dịch cho những lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Đưa thêm hoặc thay thế hàng hóa đã được cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật bằng hàng hóa chưa được kiểm dịch.

4. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ còn sống mà chưa được phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Đưa đất có sinh vật gây hại vào Việt Nam.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tịch thu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 2 và khoản 4 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy đối tượng kiểm dịch thực vật, sinh vật gây hại lạ đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

**Điều 10.** Hình thức xử phạt và mức phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về kiểm dịch thực vật nội địa

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 300.000 đồng đối với hành vi vi phạm:

Không có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở nơi xuất phát khi đưa tài nguyên thực vật thuộc diện kiểm dịch thực vật từ vùng có dịch ra khỏi vùng dịch.

2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm

Vận chuyển và bốc dỡ tài nguyên thực vật bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật không đúng với quy định.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Đưa đối tượng kiểm dịch thực vật đến các vùng trong lãnh thổ Việt Nam;

b) Không chấp hành các quy định về xử lý đối với vật thể bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ;

c) Vận chuyển, lưu thông tài nguyên thực vật đã có kết luận bị nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ mà không thực hiện đúng quy định của cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền;

d) Không chấp hành các biện pháp khoanh vùng, bao vây, tiêu diệt ổ dịch sinh vật gây hại thuộc đối tượng kiểm dịch thực vật theo lệnh của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật đã công bố.

4. Phạt tiền từ 2.500.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm

Không chấp hành các biện pháp xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật khi xuất khẩu, nhập khẩu do cơ quan kiểm dịch thực vật quy định;

5. Phạt tiền 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không xử lý triệt để một cứng dốt (T.G) trong kho mà cơ quan kiểm dịch thực vật đã phát hiện và chỉ định biện pháp diệt trừ;



b) Không xử lý triệt để đối tượng kiểm dịch thực vật đã được cơ quan kiểm dịch thực vật công bố, phát hiện và chỉ định biện pháp diệt trừ trong quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản và vận chuyển.

6. Phạt tiền 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm:

Vận chuyển vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhiễm một cứng đốt (T.G) không được xử lý triệt để mà cơ quan kiểm dịch thực vật đã phát hiện và chỉ định biện pháp diệt trừ.

7. Các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan đối tượng kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, điểm a, c khoản 3 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy vật thể bị nhiễm nặng một TG, đối tượng kiểm dịch thực vật khác đã được công bố cụ thể từng nơi, từng thời gian (nếu không xử lý được triệt để) đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này.

**Điều 11.** Hình thức xử phạt và mức phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về kiểm dịch thực vật giống cây trồng và sinh vật có ích nhập nội

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Gieo trồng giống cây trồng nhập nội không đúng địa điểm theo quy định của cơ quan kiểm dịch thực vật;

b) Không khai báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở địa phương khi đưa giống cây trồng nhập nội để làm giống đến gieo trồng hoặc sử dụng tại địa phương đó.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Đưa ra gieo trồng, sản xuất giống cây trồng mới, lần đầu tiên nhập khẩu khi chưa có kết luận của cơ quan kiểm dịch thực vật về tình trạng nhiễm dịch đối với giống cây trồng đó;

b) Không tuân thủ các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc nhập khẩu, nhân nuôi và sử dụng sinh vật có ích;

c) Không tuân thủ các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thời gian theo dõi sinh vật gây hại đối với từng nhóm cây trồng nhập nội.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm

Nhập khẩu, quá cảnh giống cây bị nhiễm sinh vật gây hại lạ hoặc nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam.

4. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy giống cây trồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu giống cây trồng nhập nội đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất giống cây nhập nội đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 12.** Hình thức xử phạt và mức phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về xông hơi khử trùng

1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Không có chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng;

b) Đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật không đáp ứng được yêu cầu về xông hơi khử trùng theo quy định;



c) Không có quy trình kỹ thuật, thiếu phương tiện, trang thiết bị hành nghề xông hơi khử trùng theo quy định;

d) Kho chứa hóa chất khử trùng không đúng tiêu chuẩn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Sử dụng các loại thuốc xông hơi khử trùng chưa có tên thương mại trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và hạn chế sử dụng ở Việt Nam;

b) Sử dụng các loại thuốc xông hơi khử trùng không đảm bảo chất lượng, không có nhãn theo đúng quy định, không rõ nguồn gốc xuất xứ;

c) Tiến hành xông hơi khử trùng không đúng quy trình kỹ thuật về xông hơi khử trùng.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Sử dụng các loại thuốc xông hơi khử trùng thuộc danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng ở Việt Nam;

b) Sử dụng các loại thuốc xông hơi khử trùng sai quy định gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng vật thể được xông hơi khử trùng hoặc làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đối với sức khỏe con người và vật nuôi.

4. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng nếu có tình tiết tăng nặng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động xông hơi khử trùng đối

với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

### **MỤC C. HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC PHẠT VỀ QUẢN LÝ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT**

**Điều 13.** Hình thức xử phạt và mức phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Người trực tiếp điều hành sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc không có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề đã hết hạn;

b) Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc không có hoặc trang thiết bị bảo đảm vệ sinh, an toàn lao động, an toàn sức khỏe cho người, vật nuôi, môi trường, phòng chống cháy nổ không bảo đảm theo quy định.

2. Phạt tiền từ 2.500.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc không thực hiện quy trình công nghệ theo quy định;

b) Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc không có hoặc hệ thống xử lý chất thải không bảo đảm theo quy định của cơ quan có thẩm quyền về môi trường.

3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói các loại thuốc không có tên trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam;

b) Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng, khối lượng;



c) Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật như đã đăng ký và ghi trên bao gói;

d) Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc không đúng xuất xứ nguyên liệu đã đăng ký;

đ) Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh.

4. Phạt tiền 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng đến dưới 100 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

b) Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc giả tương đương với số lượng của hàng thật có giá trị đến dưới ba mươi triệu đồng.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng chỉ hành nghề đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Tịch thu thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, d, đ khoản 3 Điều này;

c) Tịch thu thuốc, nguyên liệu làm thuốc và phương tiện sản xuất đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

d) Buộc tiêu hủy thuốc và nguyên liệu làm thuốc đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này;

đ) Buộc tái chế thuốc đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều này.

**Điều 14.** Hình thức xử phạt và mức phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về buôn bán thuốc và nguyên liệu làm thuốc bảo vệ thực vật

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng

đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Buôn bán thuốc không có chứng chỉ hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề đã hết hạn;

b) Buôn bán thuốc không có cửa hàng và kho chứa thuốc hoặc có cửa hàng và kho chứa thuốc không đúng quy định;

c) Buôn bán thuốc và nguyên liệu làm thuốc chung với thức ăn chăn nuôi, lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thuốc y tế, thuốc thú y và các hàng hóa vật tư tiêu dùng khác, trừ phân bón;

d) Buôn bán thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh;

đ) Buôn bán thuốc không có tên trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và hạn chế sử dụng ở Việt Nam, thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ có khối lượng đến dưới 5 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

e) Buôn bán thuốc cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng đến dưới 1 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán thuốc và nguyên liệu làm thuốc không có tên trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam, thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng, thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ có khối lượng từ 5 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 20 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

b) Buôn bán thuốc cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 1 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 3 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000



đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán thuốc và nguyên liệu làm thuốc không có tên trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và hạn chế sử dụng ở Việt Nam, thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng, thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ có khối lượng từ 20 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 100 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

b) Buôn bán thuốc cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 3 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 5 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

c) Buôn bán thuốc tự sang chiết lẻ từ bao thùng khối lượng lớn thành chai, gói nhỏ;

d) Buôn bán thuốc không đủ định lượng như đã ghi trên bao gói.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Buôn bán thuốc và nguyên liệu làm thuốc không có tên trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam, thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng, thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ có khối lượng từ 100 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 300 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

b) Buôn bán thuốc cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 5 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 10 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm.

5. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Buôn bán thuốc và nguyên liệu làm thuốc không có tên trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ có khối lượng từ 300 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 500 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

b) Buôn bán thuốc cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 10 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 50 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

c) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng, thuốc không đạt tiêu chuẩn chất lượng có khối lượng từ 500 kilôgam (hoặc lít) trở lên.

6. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán thuốc và nguyên liệu làm thuốc không có tên trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ có khối lượng từ 500 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 1.000 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

b) Buôn bán thuốc cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 50 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 100 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

c) Buôn bán thuốc giả tương đương với số lượng của hàng thật có giá trị đến dưới ba mươi triệu đồng.

7. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tước quyền sử dụng giấy chứng chỉ hành nghề đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này;

b) Tịch thu thuốc đối với hành vi vi phạm nhiều lần quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

c) Tịch thu thuốc và nguyên liệu làm thuốc đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d, đ, khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này;

d) Buộc tiêu hủy thuốc đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 1, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4, điểm b khoản 5 và điểm b, c khoản 6 Điều này.



**Điều 15.** Hình thức xử phạt và mức phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về vận chuyển, bảo quản và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Sử dụng, tàng trữ, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật không có trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam, thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng;

b) Không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật an toàn về vận chuyển, bảo quản thuốc và nguyên liệu làm thuốc của phương tiện vận chuyển, kho tàng;

c) Bảo quản, vận chuyển thuốc và nguyên liệu làm thuốc chung với vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thuốc y tế, thuốc thú y và các hàng hóa vật tư tiêu dùng khác, trừ phân bón;

d) Vận chuyển thuốc trên các phương tiện giao thông công cộng;

đ) Sử dụng thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh.

2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đảm bảo đúng kỹ thuật và thời gian cách ly;

b) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ;

c) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng đối tượng phòng trừ đối với thuốc hạn chế sử dụng;

d) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không nhằm mục đích phòng trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm

Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng kỹ thuật và thời gian cách ly gây nguy hiểm cho người, gia súc và làm ô nhiễm môi trường.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với các hành vi vi phạm:

a) Vận chuyển thuốc và nguyên liệu làm thuốc không có tên trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam;

b) Vận chuyển thuốc cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng đến 100 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Tịch thu thuốc đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, điểm b, d khoản 2 và khoản 4 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy thuốc đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

c) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này.

**Điều 16.** Hình thức xử phạt và mức phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về xuất khẩu, nhập khẩu, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Không đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng khi nhập khẩu thuốc và nguyên liệu làm thuốc;

b) Không đến đăng ký đúng hạn khi bị buộc phải đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhập khẩu thuốc hoặc nguyên liệu làm



thuốc không có trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam mà không có giấy phép nhập khẩu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Nhập khẩu thuốc hoặc nguyên liệu làm thuốc hết hạn sử dụng, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh;

c) Nhập khẩu các loại thuốc trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam không đúng nội dung ghi trong giấy phép;

d) Nhập khẩu thuốc và nguyên liệu làm thuốc có chất lượng thực tế thấp hơn mức chất lượng theo quy định của Nhà nước;

đ) Thuốc và nguyên liệu làm thuốc nhập khẩu không còn nguyên trạng khi lấy mẫu kiểm tra chất lượng;

e) Thuốc và nguyên liệu làm thuốc nhập khẩu đã đưa vào sử dụng toàn bộ hoặc một phần trước khi có thông báo kết quả kiểm tra nhà nước đạt chất lượng nhập khẩu;

g) Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới không đúng nội dung đã ghi trong giấy phép.

3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Nhập khẩu thuốc và nguyên liệu làm thuốc có chất lượng kém, vi phạm các quy định bắt buộc về an toàn vệ sinh, bảo vệ môi trường;

b) Nhập khẩu các loại thuốc trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam không có giấy phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Cố tình trốn tránh việc kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc và nguyên liệu làm thuốc xuất, nhập khẩu;

d) Khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới không có giấy phép.

4. Phạt tiền 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm

Nhập khẩu thuốc hoặc nguyên liệu làm thuốc trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng đến 100 kilôgam (hoặc lít).

5. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc buộc tái xuất thuốc và nguyên liệu làm thuốc đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 4 Điều này;

b) Buộc tái chế hoặc buộc tái xuất thuốc và nguyên liệu làm thuốc đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 2 Điều này.

**Điều 17. Hình thức xử phạt và mức phạt đối với hành vi vi phạm các quy định về thông tin, quảng cáo và nhãn thuốc bảo vệ thực vật**

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Thông tin, quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật thông qua về nội dung;

b) Thông tin, quảng cáo thuốc không đúng về đối tượng phòng trừ ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật;

c) Nhãn thuốc không đúng với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Thông tin, quảng cáo thuốc không có trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt nam;

b) Quảng cáo thuốc trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam;



c) Giả mạo nhãn thuốc, tên thuốc của các loại thuốc đang lưu hành trên thị trường đã được đăng ký.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Quảng cáo sai sự thật, sai chất lượng thuốc đã đăng ký;

b) Quảng cáo có nội dung làm giảm uy tín, chất lượng thuốc của cá nhân, tổ chức khác.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm:

Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam.

5. Những vi phạm khác về nhãn hàng hóa thì xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các Nghị định của Chính phủ về xử phạt hành chính trong lĩnh vực thương mại.

6. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả:

Tịch thu nhãn thuốc, thuốc mạo nhãn đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

**Điều 18.** Hình thức xử phạt và mức phạt đối với hành vi vi phạm quy định quản lý hành chính về bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt tiền từ 1000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Sửa chữa, tẩy xóa các loại giấy sau:

- Giấy phép nhập khẩu thuốc trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam; giấy phép nhập khẩu thuốc chưa có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam để khảo nghiệm, để sử dụng trong các dự án đầu tư nước ngoài, để gia công và tái xuất theo hợp đồng mà doanh nghiệp đã ký với nước ngoài;

- Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới;

- Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam;

- Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật;

- Giấy chứng nhận kiểm nghiệm chất lượng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật;

- Giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, hành nghề xông hơi khử trùng.

b) Ngăn cản và không chấp hành các yêu cầu của cán bộ bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật, thanh tra chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật khi thi hành nhiệm vụ.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm:

a) Cho người khác sử dụng giấy phép, giấy chứng chỉ hành nghề;

b) Dọa hoặc dùng vũ lực chống lại cán bộ kiểm dịch thực vật, bảo vệ thực vật, thanh tra chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật đang thi hành nhiệm vụ mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm:

Khai man hồ sơ để xin cấp các loại giấy quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm:

Làm giả các loại giấy quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Hình thức xử phạt bổ sung và các biện pháp khắc phục hậu quả:

Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng chỉ hành nghề đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này.



*Chương III*

**THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH  
CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ VÀ  
KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

**Điều 19.** Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật

1. Thanh tra viên bảo vệ và kiểm dịch thực vật trong khi thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 200.000 đồng;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 2.000.000 đồng và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b, d khoản 3 Điều 12 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Chánh Thanh tra của Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quyền:

a) Phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b, d khoản 3 Điều 12 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Chánh Thanh tra chuyên ngành Cục Bảo vệ thực vật có quyền:

a) Phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 30.000.000 đồng;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới, giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam, giấy chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng

gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật do Chi cục Bảo vệ thực vật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp; giấy chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b, d khoản 3 Điều 12 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 20.** Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 500.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng, buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh do vi phạm hành chính gây ra; buộc tiêu hủy vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, cây trồng, vật nuôi.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 20.000.000 đồng; tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm a, b, d khoản 3 Điều 12 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền phạt cảnh cáo, phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.

**Điều 21.** Thẩm quyền xử phạt của các cơ quan khác

Ngoài những người quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định này, những người có thẩm quyền xử phạt theo quy định của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính mà phát hiện các hành vi vi phạm hành chính quy định trong Nghị định này thuộc lĩnh vực, ngành mình quản lý thì có quyền xử phạt theo thẩm quyền.

**Điều 22.** Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật



1. Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử lý của nhiều cơ quan thì việc xử lý do cơ quan thụ lý đầu tiên thực hiện.

2. Thẩm quyền xử phạt của những người được quy định tại Điều 19 và Điều 20 là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính.

Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

Trong trường hợp ngoài hình thức phạt tiền còn có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật, thuốc và nguyên liệu làm thuốc bảo vệ thực vật thì phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm hành chính cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục trưởng Cục Hải quan hoặc Cục trưởng Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan xử lý theo thẩm quyền quy định tại khoản 5 Điều 30, điểm d khoản 3, điểm d khoản 4 Điều 34 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

3. Trong trường hợp xử phạt một người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt được xác định theo nguyên tắc sau đây:

a) Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt, thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

b) Nếu hình thức, mức xử phạt được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt, thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt;

c) Nếu các hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

**Điều 23.** Ủy quyền xử phạt vi phạm hành chính

Trong trường hợp những người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điều 19, Điều 20 của Nghị định này vắng mặt thì cấp phó được ủy quyền có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

#### *Chương IV*

### THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

#### **Điều 24.** Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính

1. Thủ tục, trình tự xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật thực hiện theo quy định tại Điều 53, 54, 55, 56, 57, 58 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Tổ chức, cá nhân bị phạt tiền phải nộp tiền tại nơi ghi trong quyết định xử phạt và được nhận biên lai ghi tiền phạt. Tại những vùng xa xôi, hẻo lánh, trên sông, trên biển, những vùng mà việc đi lại gặp khó khăn hoặc ngoài giờ hành chính thì cá nhân, tổ chức bị xử phạt có thể nộp tiền cho người có thẩm quyền xử phạt, nếu không có biên lai thu tiền phạt thì người bị phạt có quyền không nộp phạt.

3. Trừ trường hợp xử phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền đến 100.000 đồng thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính ra quyết định xử phạt tại chỗ (theo thủ tục đơn giản), các hành vi vi phạm hành chính bị xử phạt đều phải được lập thành hồ sơ và lưu giữ đầy đủ tại cơ quan có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn theo quy định hiện hành.

4. Khi áp dụng các hình thức tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải thực hiện đúng các thủ tục quy định tại Điều 60 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Việc xử lý



tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu phải thực hiện đúng các quy định tại Điều 61 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

5. Khi áp dụng hình thức tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng chỉ hành nghề phải thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

6. Chế độ quản lý, sử dụng tiền phạt thu được do vi phạm hành chính thực hiện theo quy định của Nhà nước.

**Điều 25.** Thi hành quyết định xử phạt và cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định này phải nghiêm chỉnh thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn quy định tại Điều 64 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Nếu cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính mà không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt thì bị cưỡng chế thi hành bằng các biện pháp quy định tại Điều 66 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính. Khi áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan và người có thẩm quyền phải tuân theo trình tự, thủ tục cưỡng chế quy định tại Điều 67 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

**Điều 26.** Áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính

1. Để ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm hành chính và đảm bảo việc xử lý vi phạm hành chính trong công tác bảo vệ và kiểm dịch thực vật, người có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính theo Điều 43 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn vi phạm hành chính và đảm bảo việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật được thực hiện

theo quy định tại các Điều 44, 45, 46, 47, 48, 49 của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

## *Chương V*

## KHIẾU NẠI, TỔ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

### **Điều 27.** Khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức, bị xử phạt hành chính hoặc người đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại về quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính.

2. Công dân có quyền tố cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi trái pháp luật khi xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

3. Thẩm quyền, thủ tục, thời hiệu khiếu nại, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

### **Điều 28.** Khen thưởng

Cá nhân, tổ chức có thành tích trong đấu tranh phòng và chống vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước.

Nghiêm cấm sử dụng tiền thu được từ vi phạm hành chính hoặc từ bán tang vật, phương tiện bị tịch thu để trích thưởng.

**Điều 29.** Xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền xử phạt hành chính

Người có thẩm quyền xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật mà có hành vi sách nhiễu, dung túng, bao che, không xử lý hoặc xử lý không kịp thời, không đúng mức, xử lý vượt thẩm quyền quy định, chiếm đoạt sử dụng trái phép tiền bạc, hàng hóa, tang vật, phương tiện vi phạm, làm cản trở lưu thông hàng hóa hợp pháp gây thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm



hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 30.** Xử lý vi phạm đối với người bị xử phạt vi phạm hành chính

Người bị xử lý vi phạm hành chính nếu có hành vi chống người thi hành công vụ, trì hoãn, trốn tránh việc chấp hành hoặc có những hành vi vi phạm khác thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## *Chương VI*

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 31.** Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Nghị định này thay thế cho Nghị định số 78/CP ngày 29 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

#### **Điều 32.** Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
*Thủ tướng*

PHAN VĂN KHẢI

## **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**QUYẾT ĐỊNH** của Thủ tướng Chính phủ  
số **38/2003/QĐ-TTg** ngày **18/3/2003**  
về việc quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động cho cán bộ trong Quân đội Nhân dân Việt Nam.

### **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Pháp lệnh Thực hành tiết kiệm chống lãng phí ngày 26 tháng 02 năm 1998;*

*Căn cứ Quyết định số 78/2001/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội";*

*Căn cứ Quyết định số 179/2002/QĐ-TTg ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ "Về việc sửa đổi, bổ sung Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội";*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điện thoại cố định trang bị tại nhà riêng và điện thoại di động là tài sản của Nhà